TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH A	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 3 - 2023
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Trần Văn H.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Diệp Thị Thu Nguyệt.

2. Ông Huỳnh Văn Tý.

***- Thư ký phiên toà*:** bà Đặng Huỳnh Hoa Lý - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 447/2022/TLST-HNGĐ ngày 20/10/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/01/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp H, xã P , huyện T , tỉnh A .

2. Bị đơn: ông Trần Đắc P , sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp H, xã P , huyện T , tỉnh A .

(Nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt, không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 14/11/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: sau thời gian tìm hiểu, bà L và anh P tiến đến hôn nhân vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã Phú T , huyện T , tỉnh A và được UBND xã Phú T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 25/5/2015. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc và sinh được một con chung tên Trần Nguyễn T , sinh ngày 05/9/2007. Đến tháng 6 năm 2019, vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh P nhiều lần đánh đập bà L , làm cho bà L bị ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần. Mặc dù bà L nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông P vẫn không thay đổi nên bà L về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng gay gắt nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: bà L yêu cầu được ly hôn với ông Trần Đắc P .

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Nguyễn T , sống chung với bà L và đang học lớp 10. Bà L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Tại tờ tự khai ngày 14 tháng 11 năm 2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Đắc P trình bày: ông Trần Đắc P và bà Nguyễn Thị L tiến đến hôn nhân vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú T, huyện T , tỉnh A và được UBND xã Phú T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 49 ngày 25/5/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được một con chung tên Trần Nguyễn T , sinh ngày 05/9/2007. Quá trình chung sống, vợ chồng cũng có một số mâu thuẫn nhưng không đáng kể. Đến tháng 6 năm 2019, sau khi đi uống rượu về, ông P có đánh bà L nên bà đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Thời gian sống ly thân, ông P có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà L không đồng ý. Quá trình chung sống, vợ chồng có một số tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nay bà L yêu cầu ly hôn thì ông P có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: ông P vẫn còn tình cảm với bà L nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: cháu Trần Nguyễn T đang sống chung với bà L . Cháu L muốn sống với cha hay mẹ thì tùy vào nguyện vọng của cháu Linh.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- *Về thủ tục tố tụng:* qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện tại, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên đã vi phạm Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng

các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trần Đắc P .

+ Về quan hệ con chung: giao cháu Trần Nguyễn T cho bà L tiếp tục nuôi dưỡng. Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

+ Về án phí: bà L yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Đắc P có địa chỉ tại xã Phú T , huyện T , tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đắc P chung sống với nhau từ năm 2003, có đăng ký kết hôn nên được UBND xã Phú T , huyện T , tỉnh A cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 49, ngày 25/5/2015. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà L và ông P phù hợp với quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của bà L thấy rằng: quá trình chung sống, bà L và ông P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Ông P nhiều lần đánh đập bà L , làm cho bà L bị giày vò về mặt tình cảm, đau khổ về tinh thần. Mặc dù bà L nhiều lần khuyên ngăn, nhắc nhở nhưng ông P vẫn không thay đổi. Đến tháng 6 năm 2019, bà L và ông P sống ly thân cho đến nay.

[2.2] Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 28 tháng 12 năm 2022, được đại diện Hội Phụ nữ xã Phú T , huyện T cung cấp như sau: bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đắc P có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú T , huyện T , tỉnh A . Quá trình chung sống, bà L và ông P thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, do ông P đánh đập bà L nên bà L về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ năm 2019 đến nay.

[3] Từ những nhận định tại mục [2], Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông P đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2019 và sống ly thân từ tháng 6 năm 2019 cho đến nay. Mặc dù đã được bà L khuyên ngăn nhưng ông P vẫn không quan tâm đến gia đình và nhiều lần đánh đập bà L . Tại phiên tòa, bà L vẫn nhất quyết ly hôn với ông P vì không còn tình nghĩa vợ chồng. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông P mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị L .

[4] Về quan hệ con chung: bà L và ông P có 01 con chung tên Trần Nguyễn T , sinh ngày 05/9/2007. Bà L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Linh; không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Ông P thì cho rằng, cháu L muốn sống chung với cha hay mẹ thì tùy vào nguyện vọng của cháu L.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi cần xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên. Cháu L đang sống chung với bà L và được học hành ổn định. Tại biên bản ghi nguyện vọng của cháu L ngày 14/11/2022 thì cháu muốn được sống với bà L . Do vậy, để không xáo trộn cuộc sống của cháu L, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L ; giao cháu L cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà L không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

[5] Về tài sản chung: tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: không có.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị L yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 8, 9, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L .

1.1. Về hôn nhân: bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Trần Đắc P .

Giấy chứng nhận kết hôn số 49, ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân xã Phú T , huyện T , tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: bà L và ông P có 01 con chung tên Trần Nguyễn T , sinh ngày 05/9/2007.

Giao cháu Trần Nguyễn T cho bà Nguyễn Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục (cháu L đang sống chung với bà L). Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Đắc P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, của cơ

quan có thẩm quyền thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

1.3. Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

1.4. Về nợ chung: ghi nhận bà L và ông P xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì bà Nguyễn Thị L và ông Trần Đắc P vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009448 ngày 20/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T , tỉnh A (bà L đã nộp đủ).

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh A ;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (để biết);
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn H